
3. When (on/in/at which)

When có thể bắt đầu mệnh đề quan hệ để bổ ngữ cho những danh từ chỉ thời gian
(Ex: time, moment, month, year, day, the future, summer)

Ex:

- I will never forget the day **when we met each other**. (= on which)
(Tôi sẽ không bao giờ quên cái ngày chúng tôi gặp nhau)

- Do you remember the exact time **when the movie starts**? (=at which)
(Bạn có nhớ thời gian chính xác bộ phim bắt đầu hay không)

Bài tập

Sử dụng trạng từ quan hệ “why” viết hoàn chỉnh những câu dưới đây

1) Tôi luôn nhớ về giai đoạn khi tôi là một thực tập sinh trong một tập đoàn đa quốc gia.

- time period = period of time (c) giai
đoạn

- intern = trainee (c) thực tập sinh
- multinational (adj) đa quốc gia

2) Một tai nạn kinh hoàng đã xảy ra với gia đình hàng xóm của tôi trong ngày tôi tốt nghiệp phổ thông.

- accident (c) tai nạn

- horrific (adj) horrified: kinh hoàng

3) Trong những năm thiếu niên khi mà chúng ta chưa chín chắn, nhiều quyết định sai lầm là điều không thể tránh khỏi.

- | | |
|------------------------------------|---|
| - teenage year (c) năm thiếu niên | - inevitable=unavoidable (adj) không thể tránh khỏi |
| - immature (adj) chưa trưởng thành | |
-
-

4) Thuế xuất nhập khẩu vẫn chiếm 2% GDP quốc gia vào năm 2001, thời điểm mà quá trình cải cách bắt đầu tăng tốc.

- | | |
|---|--|
| - export duty (c) thuế nhập khẩu | - reform (u) sự cải cách, quá trình cải cách |
| - account for = make up (t) chiếm (tỷ lệ) | - speed up=accelerate (i) tăng tốc |
-
-

5) Hội nghị được tổ chức vào giai đoạn khoảng 13 triệu người tại Nam Phi đang cần gấp sự viện trợ thực phẩm vì thiên tai.

- | | |
|-------------------------------------|----------------------------------|
| - conference (c) hội nghị, hội thảo | - urgent (adj) gấp, cấp bách |
| - food aid (u) viện trợ thực phẩm | - natural disaster (c) thiên tai |
-
-